

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 04 - 2024
*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Quốc Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Phú**

Bà **Trần Thị Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Hồng Nhung** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà **Ngụ Lê Mỹ Linh** – C/v kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2024.

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị D** - SN: 1975

Địa chỉ: Thôn 10, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Hà Văn P** – SN: 1976

Địa chỉ: Thôn 10, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang thi hành án phạt tù tại trại giam Đắc T – Bộ Công an đóng trên địa bàn huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày:

Tôi và ông Hà Văn P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/02/2002. Quá trình chung sống, vợ chồng tôi hạnh phúc trong thời gian đầu và có với nhau 02 con chung là Hà Thị T – SN: 29/11/2002, Hà Thị L – SN: 17/07/2007, nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nhất là vấn đề tình cảm, tôi khuyến bảo

thì anh P đe dọa tôi, tuy được hai bên gia đình cũng như chính quyền góp ý nhưng chúng tôi không thể sống hòa hợp được với nhau, tình cảm giữa tôi và anh P không còn nữa nên tôi và anh P đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho tới nay, hiện nay anh P vi phạm pháp luật đang thi hành án phạt tù tại trại giam Đắc T – Bộ Công an thuộc huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Nay tôi thấy tình cảm giữa tôi và anh P không còn nữa nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hà Văn P.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung Hà Thị T – SN: 29/11/2002, Hà Thị L – SN: 17/07/2007. Nay ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu Hà Thị L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về con riêng: Trước khi kết hôn với tôi, anh Hà Văn P đã có 01 con riêng là cháu Hà Tiến D1 –SN: 10/03/1998

Đối với cháu Hà Tiến D1 con riêng của anh P, cháu Hà Thị T là con chung của tôi và anh P hiện nay đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, có công ăn việc làm để tự nuôi mình nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu anh Hà Văn P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Tôi với anh Hà Văn P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 25/03/2024 bị đơn anh Hà Văn P trình bày: Anh và chị Hoàng Thị D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/02/2002. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị hạnh phúc trong thời gian đầu và có với nhau 02 con chung là Hà Thị T – SN: 29/11/2002, Hà Thị L – SN: 17/07/2007. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như chị D đã trình bày nên anh và chị D đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho tới nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D yêu cầu ly hôn với anh, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung Hà Thị T – SN: 29/11/2002, Hà Thị L – SN: 17/07/2007. Nay ly hôn anh đồng ý để chị Hoàng Thị D nuôi cháu Hà Thị L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về con riêng: Trước khi kết hôn với chị D, anh Hà Văn P đã có 01 con riêng là cháu Hà Tiến D1 –SN: 10/03/1998.

Đối với cháu Hà Tiến D1 con riêng của anh P, cháu Hà Thị T là con chung của anh P và chị D hiện nay đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, có công ăn việc làm để tự nuôi mình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Văn P đồng ý với chị D việc anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh P đồng ý với chị Hoàng Thị D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án xác minh đại diện ban tự quản, hội phụ nữ thôn 10, xã E trình bày: Trong quá trình chị D ,anh P sinh sống ở địa phương trong thời gian đầu không thấy cãi, chửi nhau tuy nhiên thời gian gần đây chị D, anh P phát sinh nhiều

mâu thuẫn cãi, chửi nhau, anh P vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án không có thời gian chăm sóc gia đình, vợ con nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D, anh P theo quy định.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10 tháng 04 năm 2024 nguyên đơn đã được tiếp cận, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi bổ sung đơn khởi kiện hay chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Đối với bị đơn anh Hà Văn P, Tòa án đã tiến hành ủy thác tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ nguyên đơn giao nộp, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Hà Văn P có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị D, xử cho chị D được ly hôn với anh Hà Văn P, về con chung giao cháu Hà Thị L cho chị D nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Hà Tiến D1 con riêng của anh P, cháu Hà Thị T là con chung của anh P và chị D hiện nay đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, có công ăn việc làm để tự nuôi mình anh P và chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hà Văn P có nơi cư trú thôn 10, xã E, huyện E, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn anh Hà Văn P trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ nguyên

đơn giao nộp, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh P có đơn xin vắng mặt và xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Hà Văn P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/02/2002 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị D và anh Hà Văn P là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị D và anh P nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh, chị tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nhất là vấn đề tình cảm, anh P có hành vi đánh, đe dọa chị D, tuy được hai bên gia đình cũng như chính quyền góp ý nhưng chị D và anh P không thể sống hòa hợp được với nhau nên chị D và anh P đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho tới nay, hiện nay anh P vi phạm pháp luật đang thi hành án phạt tù tại trại giam Đắc T – Bộ Công an thuộc huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Xét tình cảm, hạnh phúc của chị D và anh P không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị D, xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Hà Văn P.

[4] Về con chung: Chị D và anh Pha có 02 con chung Hà Thị T – SN: 29/11/2002, Hà Thị L – SN: 17/07/2007. Về con riêng trước khi kết hôn với chị D, anh Hà Văn P đã có 01 con riêng là cháu Hà Tiến D –SN: 10/03/1998.

Nay ly hôn chị D yêu cầu được nuôi con chung cháu Hà Thị L, anh P cũng đồng ý để chị D nuôi con nên cần giao cháu Hà Thị L cho chị Hoàng Thị D nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Hà Tiến D1 con riêng của anh P, cháu Hà Thị T là con chung của anh P và chị D hiện nay đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, có công ăn việc làm để tự nuôi mình, chị D, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Hoàng Thị D và anh Hà Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án chị Hoàng Thị D chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị D, xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Hà Văn P.

Về con chung: Giao cháu Hà Thị L – SN: 17/07/2007 cho chị Hoàng Thị D nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Hoàng Thị D không được quyền ngăn cản anh Hà Văn P đến thăm nom chăm sóc con chung.

Đối với cháu Hà Tiến D1 con riêng của anh P, cháu Hà Thị T là con chung của anh P và chị D hiện nay đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, có công ăn việc làm để tự nuôi mình, chị D, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hoàng Thị D và anh Hà Văn P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Chị Hoàng Thị D và anh Hà Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), chị D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0003550 ngày 21/02/2024.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THA huyện E;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

(Đã ký)

Lưu Quốc Chinh